TÒA ÁN NH DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2024
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà**

Các Hội thẩm Nh dân: Ông **Trịnh Phước Đức**

Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đình Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tặng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Nh,** sinh năm 1984 (Có mặt)

Nơi ĐKTT: Ấp Ô L, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG.

Chổ ở: ẤP CTT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG.

- *Bị đơn*: Ông **Ngô Quốc Đ**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Nơi ĐKTT và chổ ở: Nơi ĐKTT: Ấp Ô L, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh trình bày:

Vào năm 2003 bà và ông Ngô Quốc Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cửa Dương, huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ), tỉnh KG theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, cấp ngày 12/5/2003. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Ngô Quốc Đ, sinh năm 2004.

Sau khi kết hôn thì ông Đ làm vườn tiêu, bà Nh thì làm chủ hụi cuộc sống ổn định. Nhưng trong suốt quá trình chung sống ông Đ không chăm lo đến cuộc sống gia đình, hầu hết mọi thứ trong gia đình ông Đ đều không quan tâm. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn chung sống bình thường đến khoảng năm 2019 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Vào năm 2023 bà Nh đi Thành phố HCM thăm con trai, chính ông Đ là người đưa bà đến sân bay nhưng ông Đ điện thoại cho con trai nói bà Nh đi theo người đàn ông khác, trong khi bà đang ở cùng con trai. Sau đó, bà Nh về lại thành phố PQ thì vợ chồng xảy ra xô sát, bà phát hiện ông Đ đã lấy hết tiền, vàng trong két sắt kể cả nữ trang của bà. Có một lần xe bà bị hư và đi sửa xe thì bà phát hiện ông Đ gắn định vị vào xe của bà. Thời gian sau này, ông Đ thừa nhận với bà là người lấy số tiền và vàng trong két sắt, ngoài ra có một lần ông Đ lấy tờ giấy bà Nh cầm vàng tại tiệm vàng Kim Thạnh đi chuộc ra bán lấy tiền, nhưng bà Nh hỏi ông Đ không thừa nhận, bà Nh đến tiệm vàng Kim Th kiểm tra Camera thì xác định ông Đ là người lấy.

Bà Nh cho rằng trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ việc ly hôn ông Đ không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với bà là không đúng, ông Đ đang cố tình làm khó bà. Bởi lẽ, từ khi bà nộp đơn ly hôn và chuyển đến xã Cửa Dương cất nhà, sinh sống, trong thời gian này ông Đ không đến trông coi, cũng như hỏi han gì cho thấy ông Đ không có thiện chí quay về đoàn tụ. Từ những lý do đó bà nhận thấy vợ chồng chung sống với nhau nhưng không tin tưởng nhau, ông Đ xem thường tình cảm của bà, tổn thương đến lòng tự trọng của bà. Bà cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn Nh không đạt được, không thể nào chung sống với nhau và không thể hàn gắn tình cảm lại được nữa, nên yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Ngô Quốc Đ để mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Ngô Quốc Đ, sinh năm 2004. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Ngô Quốc Đ trình bày ý kiến như sau:** Vào năm 2002 ông và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh tự tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD, huyện PQ (Nay là UBND thành

phố PQ), tỉnh KG theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, cấp ngày 12/5/2003. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống cùng cha mẹ ruột ông Đ được 01 năm, sau đó thì cất nhà ở riêng cho đến nay. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày vẫn xảy ra một số mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, nhưng không lớn. Theo ông Đ thì không biết nguyên không biết vì sao bà Nh xin ly hôn với ông, vợ chồng đang chung sống bình thường.

Tại phiên toà, ông Đ thừa nhận ông có ghen, vì bà Nh đi Sài Gòn thăm con vào tháng 11/2023 ở chung với con có một hai ngày, nhưng bà đi đến một tuần mới về, ông Đ gọi không được nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên bà Nh chuyển xuống ấp CTT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG cất nhà sinh sống cho đến nay. Ông Đ có đến gặp bà Nh để nói chuyện, mong muốn quay về đoàn tụ để vợ chồng còn lo cho con nhưng bà Nh không đồng ý.

Nay bà Nh yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn. Vì ông vẫn còn tình cảm với bà mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Ngô Quốc Đ, sinh năm 2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được một số tài sản. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đ yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát Nh dân thành phố PQ phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với đương sự: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ Nh được ly hôn với ông Ngô Quốc Đ.

+ Về con chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh có 01 người con chung tên Ngô Quốc Đ, sinh năm 2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh xác nhận không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1].Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là: "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Ngô Quốc Đ có địa chỉ cư trú tại địa bàn thành phố PQ, tỉnh KG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh và ông Ngô Quốc Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD, huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ), tỉnh KG theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, cấp ngày 12/5/2003, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Nh cho rằng trong thời gian chung sống ông Đ thường xuyên không chăm lo đến cuộc sống gia đình, hầu hết mọi thứ trong gia đình ông Đ đều không để ý, quan tâm đến, kể cả chuyện con đi học. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn chung sống bình thường đến khoảng năm 2019 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn, lần gần đây nhất là vào năm 2023, ông Đ nói với gia đình ông Đ và con trai là bà Nh lấy tiền, vàng đi theo người đàn ông khác. Sau này, ông Đ thừa nhận lấy tiền và nữ trang trong két sắt. Từ đó, vợ chồng mâu thuẫn bà chuyển đến ấp CTT, xã CD sinh sống cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không

còn tôn trọng, không còn có khả năng quay về đoàn tụ, yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Quốc Điền.

Ông Ngô Quốc Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, do ông làm vườn tiêu về nhà mệt nên cũng không thường xuyên quan tâm đến gia đình, trong thời gian Toà án đang thụ lý vụ án giải quyết vụ án thì vợ chồng có xô xát, ông có dùng tay đánh bà mấy cái vào mặt. Tuy nhiên, vẫn thương vợ nên mong muốn quay về đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chung sống giữa bà Nh và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn về tình cảm từ năm 2019 và kéo dài đến năm 2023 chính thức sống ly thân cho đến nay, cả hai không còn sự quan tâm, yêu thương chăm sóc giúp đỡ nhau trong đời sống gia đình, điều đó cho thấy đã vi phạm đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, dẫn đến mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ nhưng bà Nh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với ông Điền. Bà cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và không muốn đoàn tụ. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà về việc xin ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nh và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Nh được ly hôn với ông Đ.

[2.2]. Về con chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh xác nhận có 01 người con chung tên Ngô Quốc Đ, sinh năm 2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông, bà tự thoả thuận, trường hợp không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác. Xét đây, là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

[2.4]. Về nợ chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ về việc giải giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4]. Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Ngô Quốc Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn Nh và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn ông Ngô Quốc Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh được ly hôn với ông Ngô Quốc Đ.

- Về con chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh xác nhận có 01 người con chung tên Ngô Quốc Đ, sinh năm 2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Ngô Quốc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ Nh cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0009684 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ, tỉnh KG. Bị đơn ông Ngô Quốc Đ không phải chịu án phí.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Hà

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh KG;
- VKSND TP. PQ;
- Chi cục THADS TP. PQ;
- UBND xã Cửa Dương; TP. PQ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.